

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 354/NQ-HĐND ngày 12/4/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về Danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 1103/SKHĐT-TH ngày 23/4/2021 về Danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025 và trên cơ sở ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND thành phố tại cuộc họp ngày 03/3/2021 (Thông báo số 77/TB-VP ngày 08/3/2021 của Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể:

TT	Danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay
A	Nhóm lĩnh vực đặc biệt ưu tiên
I	Lĩnh vực công nghiệp, công nghệ cao
1	Đầu tư khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề, khu công nghệ cao
2	Các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề
3	Đầu tư các dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ, sản xuất cơ khí trọng điểm theo danh mục ưu tiên đầu tư, phát triển của Chính phủ

II	Lĩnh vực du lịch
4	Dự án đầu tư khu du lịch, phát triển kinh tế ban đêm trên địa bàn thành phố
5	Đầu tư điểm đến (khu mua sắm, ăn uống, giải trí...), các dự án sản xuất sản phẩm du lịch (các sản phẩm dịch vụ du lịch, sản phẩm lưu niệm); đầu tư tàu du lịch
6	Đầu tư các dự án sản xuất vào các ngành nghề được hưởng chính sách khuyến công của thành phố
III	Lĩnh vực môi trường
7	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước
8	Đầu tư hệ thống xử lý rác thải, khí thải, nước thải
9	Đầu tư thiết bị, phương tiện thu gom xử lý rác thải, khí thải, nước thải
10	Đầu tư hệ thống tái chế, tái sử dụng chất thải
11	Đầu tư các dự án sản xuất các thiết bị, sản phẩm thân thiện với môi trường
12	Đầu tư vào ngành dịch vụ môi trường
13	Đầu tư các dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu, các dự án đổi mới thiết bị, công nghệ gắn với giảm ô nhiễm môi trường
IV	Lĩnh vực năng lượng
14	Đầu tư các dự án điện (Cấp điện, chống quá tải lưới điện, ngầm hóa lưới điện...)
15	Đầu tư các dự án điện năng lượng tái tạo, năng lượng sinh khối
V	Lĩnh vực nhà ở
16	Đầu tư nhà ở xã hội
17	Đầu tư khu đô thị, khu dân cư, khu tái định cư, nhà chung cư...
VI	Lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp
18	Đầu tư các dự án sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; dự án sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi và giống cây lâm nghiệp
19	Đầu tư cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo quy hoạch của thành phố
20	Đầu tư các dự án phục vụ phát triển lâm nghiệp, ngư nghiệp và nuôi trồng thủy sản thâm canh công nghệ cao
VII	Lĩnh vực giao thông
21	Đầu tư hệ thống vận tải công cộng
22	Đầu tư các dự án thuộc: lĩnh vực giao thông đường bộ (hệ thống giao thông nội thị, đường bộ, cầu đường bộ, bến xe, bãi đỗ xe, trung tâm đăng kiểm xe cơ giới đường bộ,...); Các dự án thuộc lĩnh vực giao thông đường thủy (Cầu tàu, Cảng, bến thủy nội địa,...)

VIII	Lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông
23	Đầu tư các dự án viễn thông, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghệ thông tin, khu công viên phần mềm
24	Đầu tư các dự án tại khu công nghệ thông tin, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công viên phần mềm
25	Đầu tư các dự án liên quan lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thông
B	Nhóm lĩnh vực ưu tiên
IX	Lĩnh vực giáo dục
26	Đầu tư trường học các cấp, các trung tâm dạy nghề, các cơ sở giáo dục đào tạo khác
X	Lĩnh vực y tế, y dược
27	Đầu tư bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh; đầu tư mua sắm máy móc thiết bị, phương tiện phục vụ khám chữa bệnh
28	Đầu tư cơ sở sản xuất trang thiết bị y tế, kho dược phẩm
29	Đầu tư các cơ sở nuôi trồng, sản xuất dược liệu, dược phẩm
XI	Lĩnh vực văn hóa, thể thao
30	Đầu tư các dự án thể thao
31	Đầu tư các dự án văn hóa, khu văn hóa đa năng
XII	Lĩnh vực ưu tiên khác
32	Đầu tư cơ sở ươm tạo doanh nghiệp, các không gian làm việc chung, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo
33	Đầu tư các dự án liên quan đến hoạt động giám định tư pháp
34	Đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực logistics
35	Đầu tư trung tâm hội chợ triển lãm, siêu thị, chợ, khu phức hợp, nhà ở thương mại, văn phòng cho thuê, trung tâm trưng bày sản phẩm
36	Đầu tư trung tâm dưỡng lão, chăm sóc người cao tuổi
C	Nhóm các lĩnh vực khác theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố

Điều 2. Giao Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng căn cứ Danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 5116/QĐ-UBND ngày 30/7/2014 của UBND thành phố về việc lập danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của thành phố Đà Nẵng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Hội đồng quản lý, Quỹ Đầu tư phát triển thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TTTU, TT HĐND thành phố (để b/cáo);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các Sở: XD, GTVT, DL, TNMT, CT, NN&PTNT, TTTT, GDĐT, YT, VHHT, KHCN, TP, LĐTĐ, BXH,
- NHNN - CN Đà Nẵng;
- KBNN Đà Nẵng;
- Lưu: VT, SKHĐT. 26

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Trung Chinh

nhungmth-21/05/2021 08:43:35-nhungmth-nhungmth-nhungmth